

Số: 44/2024/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 23 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí về xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao đảm bảo thống nhất, đồng bộ, phù hợp theo quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương; kiểm tra, giám sát địa phương trong việc thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã chủ động triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và các văn bản, quy định pháp luật có liên quan.

5. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình Mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 6 Điều 4;
- Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, CNXD, NC, KTTH, NL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Rah Lan Chung

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	- 100% đường xã được bảo trì hàng năm; - Các tuyến đường được bố trí các hạng mục cần thiết như: Biển báo tại các vị trí nguy hiểm, biển chỉ dẫn tại các nút giao, gờ giảm tốc tại các vị trí giao với đường ưu tiên; trồng cây xanh và hệ thống chiếu sáng tại các khu vực đông dân cư.	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, làng và đường liên thôn, làng	Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	- Các tuyến đường được bố trí các hạng mục cần thiết như: Biển báo tại các vị trí nguy hiểm; trồng cây xanh và hệ thống chiếu sáng tại các khu vực đông dân cư
		2.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa		≥85%

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	$\geq 15\%$
		3.2. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%
4	Giáo dục	Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt
5	Văn hoá	5.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt
		5.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt
		5.3. Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	90%
6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Thực hiện theo quy định tại mục IV Phần I Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1327/QĐ-BCT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực Công Thương trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 và Tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
7	Thông tin và Truyền thông	Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt
8	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 80\%$
9	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	9.1. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥ 1
		9.2. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt
		9.3. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$
		9.4. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt
		9.5. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt
		9.6. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 1
10	Hành chính công	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt
11	Môi trường	Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt
12	Chất lượng môi trường sống	12.1. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 40 lít
		12.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 20\%$
		12.3. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn
13	Quốc phòng và An ninh	13.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt
		13.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt

